

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp dịch vụ thiết kế và in ấn các ấn phẩm truyền thông, thiệp tết, bao lì xì theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp dịch vụ thiết kế và in ấn các ấn phẩm truyền thông, thiệp tết, bao lì xì.
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
5. Địa điểm thực hiện: Cơ sở 1- Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: Tối thiểu 06 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 09 giờ 00, ngày 16/9/2022
9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị, Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, phường 11, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người liên hệ: Lê Thị Hằng Số điện thoại: 028 39525247.

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);

Trân trọng./.

Nơi nhận:

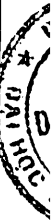
- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (M97-005-lthang)(02).



Nguyễn Hoàng Bắc

PHỤ LỤC. DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI CHÀO GIÁ
(Kèm theo Công văn mời chào giá số 1876.../BVĐHYD-VTTB)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
1.	Mười lời khuyên dinh dưỡng hợp lý – Tháp dinh dưỡng	Tờ	5.000	- Giấy C150 gsm, in offset 2 mặt 4 màu; - Kích thước: Khổ A5
2.	Hướng dẫn trước phẫu thuật Tạo hình – Thẩm mỹ	Tờ	1.000	
3.	Hướng dẫn người bệnh sau thắt thun tĩnh mạch thực quản	Tờ	1.500	
4.	Hướng dẫn người bệnh sau cắt polyp đại – trực tràng	Tờ	1.500	
5.	Hỗ trợ phổi thai nhi trước sinh	Tờ	500	
6.	Dinh dưỡng trong bệnh lý tim mạch	Tờ	7.000	- Giấy C150 gsm, in offset 2 mặt 4 màu; - Kích thước: 20.5 cm x 29.5 cm; - Cắt, cán, gấp thành phẩm.
7.	Dinh dưỡng trong bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)	Tờ	4.000	
8.	Kali và lưu ý trong bệnh thận	Tờ	7.000	
9.	Sử dụng muối ăn hợp lý	Tờ	7.000	
10.	Dinh dưỡng cho người bệnh viêm dạ dày	Tờ	2.000	
11.	Dinh dưỡng dành cho người bệnh đái tháo đường	Tờ	9.000	
12.	Chế độ dinh dưỡng cho người bệnh viêm phổi	Tờ	7.000	
13.	Chế độ dinh dưỡng cho người bệnh suy tim	Tờ	7.000	
14.	Chế độ dinh dưỡng cho người bệnh có hậu môn nhân tạo	Tờ	2.000	
15.	Cách chế biến súp xay ăn qua ống thông	Tờ	7.000	



STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
16.	Dinh dưỡng trong việc thúc đẩy lành vết thương và phục hồi tổng trạng sau phẫu thuật	Tờ	7.000	
17.	Hướng dẫn chăm sóc và theo dõi sau phẫu thuật Tạo hình – Thẩm mỹ	Tờ	1.000	
18.	Phẫu thuật thẩm mỹ mí mắt	Tờ	1.000	
19.	Điều trị vết thương	Tờ	1.000	
20.	Lấy lại vóc dáng sau sinh	Tờ	1.000	
21.	Thẩm mỹ mũi	Tờ	1.000	
22.	Căng da mặt	Tờ	1.000	
23.	Thẩm mỹ ngực	Tờ	1.000	
24.	Giới thiệu khoa Tạo hình – Thẩm mỹ	Tờ	1.000	
25.	Vàng da ở trẻ sơ sinh	Tờ	3.500	
26.	Khám trẻ sơ sinh toàn diện	Tờ	3.500	
27.	Viêm, rách chóp xoay – Nguyên nhân hàng đầu gây đau vai ở người lớn tuổi	Tờ	1.000	
28.	Dị dạng lõm ngực	Tờ	1.000	
29.	Điều trị dị tật ngực ức gà	Tờ	1.000	
30.	Điều trị tăng tiết mồ hôi tay	Tờ	1.000	
31.	Suy tĩnh mạch mạn tính chi dưới	Tờ	1.000	
32.	Điều trị bướu giáp đa nhân bằng sóng cao tần	Tờ	1.000	
33.	Chăm sóc trẻ sau sinh	Tờ	5.000	
34.	Hội chứng Down	Tờ	1.000	
35.	Những điều cần biết sau sinh	Tờ	5.000	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
56.	Hội chứng Cushing do thuốc	Tờ	1.000	
57.	Tập luyện ở người bệnh đái tháo đường	Tờ	2.000	
58.	Phục hồi chức năng trong phòng ngừa té ngã	Tờ	2.000	
59.	Phục hồi chức năng nhóm cho người bệnh tim mạch	Tờ	2.000	
60.	Phục hồi chức năng hậu COVID	Tờ	3.000	
61.	Hướng dẫn nuôi ăn qua ống mở dạ dày	Tờ	1.000	
62.	Hướng dẫn nuôi ăn qua ống mở thông hồng tràng	Tờ	1.000	
63.	Hướng dẫn chăm sóc lỗ mở thông ra da	Tờ	1.000	
64.	Hướng dẫn người bệnh sau can thiệp cấy ghép Implant	Tờ	1.000	
65.	Hướng dẫn người bệnh sau nạo túi nước điều trị viêm nước/ viêm nha chu	Tờ	1.000	
66.	Dặn dò sau can thiệp phẫu thuật nhổ răng	Tờ	1.000	
67.	Dặn dò sau điều trị tủy răng	Tờ	1.000	
68.	Dặn dò sau điều trị trám răng	Tờ	1.000	
69.	Phòng ngừa sâu răng	Tờ	1.000	
70.	Những điều cần biết khi phục hình răng sứ cố định	Tờ	1.000	
71.	Những điều cần biết khi phục hình răng nhựa tháo lắp	Tờ	1.000	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
72.	Những điều cần biết khi điều trị thuốc sinh học	Tờ	1.000	
73.	Bài tập thoái hóa khớp gối	Tờ	1.000	
74.	Bài tập thoái hóa cột sống thắt lưng và cột sống cổ	Tờ	1.000	
75.	Những điều cần biết về bệnh viêm khớp dạng thấp	Tờ	500	
76.	Những điều cần biết về bệnh viêm cột sống dính khớp	Tờ	500	
77.	Những điều cần biết về bệnh gút	Tờ	500	
78.	Liệu pháp huyết tương giàu tiểu cầu điều trị bệnh lý cơ xương khớp	Tờ	500	
79.	Cấp cứu đột quỵ	Tờ	2.000	
80.	Sa sút trí tuệ - Các thông tin người bệnh cần biết	Tờ	1.000	
81.	Viêm mũi xoang và những điều cần biết	Tờ	1.000	
82.	Viêm amidan và những điều cần biết	Tờ	1.000	
83.	Khàn giọng và những điều cần biết	Tờ	1.000	
84.	Viêm tai giữa và những điều cần biết	Tờ	1.000	
85.	Những điều người bệnh cần biết trước khi nội soi tai mũi họng	Tờ	1.000	
86.	Quy trình đo thính lực	Tờ	1.000	
87.	Phòng ngừa biến chứng của tăng huyết áp	Tờ	300	
88.	Những điều cần biết về máy tạo nhịp vĩnh viễn	Tờ	150	
89.	Bạn đã biết gì về cách điều trị bệnh	Tờ	250	

VIỆC
 Y D
 HÍM
 TP

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
	nhịp nhanh kịch phát trên thất			
90.	Suy tim, những điều bạn nên biết	Tờ	300	
91.	Hướng dẫn đăng ký khám bệnh và thanh toán viện phí không dùng tiền mặt	Tờ	10.000	
92.	Thông tin cần biết khi điều trị tại Bệnh viện	Tờ	3.000	
93.	Hoạt động công tác xã hội tại Bệnh viện	Tờ	1.000	
94.	Sổ tay khách hàng của khoa Xét nghiệm	Quyển	200	- Bìa giấy C250 gsm. Ruột giấy C150 gsm. In offset 2 mặt, 4 màu. - Kích thước: Khổ đóng 14.5 cm x 20.5 cm, 120 trang. - Thành phẩm đóng 2 kim giữa thành quyển
95.	Sổ tay khách hàng của khoa Giải phẫu bệnh	Quyển	200	- Bìa giấy C250 gsm. Ruột giấy C150 gsm. In offset 2 mặt, 4 màu. - Kích thước: Khổ đóng 14.5 cm x 20.5 cm, 40 trang (20 tờ). - Thành phẩm đóng 2 kim giữa thành quyển
96.	Hướng dẫn sử dụng thuốc kháng đông kháng vitamin K	Quyển	350	- Bìa giấy C250 gsm. Ruột giấy C150 gsm. In offset 2 mặt, 4 màu. - Kích thước: khổ đóng 14.5 cm x 20.5 cm, 12 trang luôn bìa. - Thành phẩm đóng 2 kim giữa thành quyển
97.	Sổ theo dõi sử dụng thuốc kháng	Quyển	300	- Bìa giấy C250 gsm. Ruột giấy C150 gsm. In offset 2

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
	đồng kháng vitamin K			mặt, 4 màu. - Kích thước: khổ đóng 14.5 cm x 20.5 cm, 12 trang luôn bì. - Thành phẩm đóng 2 kim giữa thành quyển
98.	Hướng dẫn sử dụng thuốc kháng đông kháng vitamin K cho bệnh nhi	Quyển	50	- Bìa giấy C250 gsm. Ruột giấy C150 gsm. In offset 2 mặt, 4 màu. - Kích thước: Khổ đóng 14.5 cm x 20.5 cm, 12 trang luôn bì. - Thành phẩm đóng 2 kim giữa thành quyển
99.	Hướng dẫn sử dụng thuốc kháng đông kháng vitamin K – Warfarin, Acenocoumarol	Quyển	500	- Bìa giấy C250 gsm. Ruột giấy C150 gsm. In offset 2 mặt, 4 màu. - Kích thước: Khổ đóng 14.5 cm x 20.5 cm, 12 trang luôn bì. - Thành phẩm đóng 2 kim giữa thành quyển
100.	Hướng dẫn sử dụng thuốc kháng đông đường uống tác dụng trực tiếp – Apixaban, Dabigatran, Rivaroxaban	Quyển	500	- Bìa giấy C250 gsm. Ruột giấy C150 gsm. In offset 2 mặt, 4 màu. - Kích thước: khổ đóng 14.5 cm x 20.5 cm, 10 trang luôn bì. - Thành phẩm đóng 2 kim giữa thành quyển
101.	Phiếu theo dõi điều trị dành cho người bệnh ung thư	Tờ	5.000	- Giấy C300 gsm, in offset 2 mặt, 4 màu. - Kích thước 14.5 cm x 20 cm
102.	Túi giấy (loại lớn)	Cái	1.000	- Giấy Ivory 250 gsm. In offset 1 mặt, 4 màu; - Cán màng, đục lỗ xỏ quai,

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				túi đứng. - Kích thước: (210 x 297 x 120) mm;
103.	Túi giấy (loại nhỏ)	Cái	1.000	- Giấy Ivory 250 gsm. In offset 1 mặt, 4 màu. - Cán màng, đục lỗ xỏ quai, túi đứng. - Kích thước: (210 x 148,5 x 100) mm.
104.	Hồ sơ năng lực giới thiệu Bệnh viện	Quyển	1.000	- Bìa giấy C250 gsm. Ruột giấy C150. Bìa có sử dụng màu ép kim xanh dương trên logo. In offset 2 mặt, 4 màu. - Kích thước: Khổ đóng A5, 32 trang luôn bìa. - Quy chuẩn đóng gáy, dán keo.
105.	Thiệp Tết Dương lịch (Phiên bản tiếng Anh)	Bộ	90	• Thiệp - Giấy Eco Green 250 gsm hoặc giấy mỹ thuật tương tự. In kỹ thuật số 4 màu, 02 mặt. - Kích thước 12.5 cm x 17 cm. - Ép kim logo Bệnh viện, nội dung và hình ảnh mặt trước. - Chạy tên trên thiệp. • Bao thiệp: - Giấy Eco Green 150 gsm hoặc giấy mỹ thuật tương tự. In kỹ thuật số 4 màu, 01 mặt, - Kích thước 13.5 cm x 18 cm.

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				- Chạy tên trên bao thiệp. - Bế, dán thành phẩm.
106.	Thiệp Tết Nguyên đán (Phiên bản tiếng Việt)	Bộ	1.000	• Thiệp: - Giấy Eco Green 250 gsm hoặc giấy mỹ thuật tương tự. In offset 4 màu, 02 mặt, - Kích thước 12.5 cm x 17 cm. - Ép kim logo Bệnh viện, nội dung và hình ảnh mặt trước. - Chạy tên trên thiệp. • Bao thiệp: - Giấy Eco Green 150 gsm hoặc giấy mỹ thuật tương tự. In offset 4 màu, 01 mặt. - Kích thước 13.5 x 18 cm. - Chạy tên trên bao thiệp. - Bế, dán thành phẩm.
107.	Bao lì xì dành cho đối tác	Cái	300	- Giấy Eco Green 150 gsm hoặc giấy mỹ thuật tương tự. In offset 4 màu, 01 mặt. - Kích thước: 17 cm x 9 cm, có nắp đậy. - Ép kim tiêu đề, dập nổi chữ mặt trước. - Bế, dán thành phẩm.
108.	Bao lì xì dành cho nhân viên	Cái	4.000	- Giấy Eco Green 150 gsm hoặc giấy mỹ thuật tương tự. In offset 4 màu, 01 mặt. - Kích thước: 17 cm x 9 cm, có nắp đậy. - Ép kim logo Bệnh viện, nội dung và hình ảnh mặt trước. - Dập nổi dòng chữ ở mặt

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				sau. - Bế, dán thành phẩm.
109.	Danh thiếp	Hộp	64	- Giấy Rn01 hoặc tương đương. - Kích thước: 9 cm x 5.5 cm - In offset 2 mặt - Ngôn ngữ: Tiếng Việt và tiếng Anh - 100 cái/hộp
110.	Thư cảm ơn	Tờ	500	- Giấy C150 gsm, in offset 2 mặt 4 màu; - Kích thước: Khổ A4
111.	Thẻ nuôi bệnh năm 2023 (10 khoa)	Thẻ	6.500	- Giấy C300 gsm, số nhảy, in 2 mặt. - Kích thước 8.9 cm x 5.4 cm. - Cắt thành phẩm.